

Số: 154/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 91/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện (lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ) và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (lệ phí cấp chứng nhận đăng ký xe và biển số xe máy chuyên dùng).

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này gồm:

a) Tổ chức thu phí, lệ phí và người nộp phí, lệ phí quy định tại Điều 2 Thông tư này.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến khai, thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ và lệ phí cấp chứng nhận đăng ký xe và biển số xe máy chuyên dùng.

3. Thông tư này không áp dụng đối với sát hạch lái xe và cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Tổ chức thu phí, lệ phí và người nộp phí, lệ phí

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện sát hạch lái xe để cấp giấy phép lái xe, cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ và cấp chứng nhận đăng ký xe và biển số xe máy chuyên dùng theo quy định của pháp luật là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện sát hạch lái xe để được cấp giấy phép lái xe, cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ và cấp chứng nhận đăng ký xe và biển số xe máy chuyên dùng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mức thu phí, lệ phí

Mức thu phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ và lệ phí cấp chứng nhận đăng ký xe và biển số xe máy chuyên dùng quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Khai, thu, nộp phí, lệ phí

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí cho tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí nộp 100% số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, lệ phí. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí, lệ phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức thu phí, lệ phí khai, thu, nộp phí, lệ phí, quyết toán phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ khoản 5 Điều 1 Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP và Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục CST (170b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Phụ lục
BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ
(Kèm theo Thông tư số 154/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Phí sát hạch lái xe		
a	Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A, B1:		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	60.000
	- Sát hạch thực hành	Lần	70.000
b	Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE):		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	100.000
	- Sát hạch thực hành trong hình	Lần	350.000
	- Sát hạch thực hành trên đường giao thông	Lần	80.000
	- Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	Lần	100.000
2	Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ		
	Cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế)	Lần	115.000
3	Lệ phí cấp chứng nhận đăng ký xe và biển số xe máy chuyên dùng		
a	Cấp mới, đổi, cấp lại, cấp có thời hạn chứng nhận đăng ký xe kèm theo biển số xe	Lần/phương tiện	140.000
b	Đổi hoặc cấp lại chứng nhận đăng ký xe không kèm theo biển số xe	Lần/phương tiện	35.000
c	Cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời, biển số xe tạm thời	Lần/phương tiện	49.000
d	Đóng lại số khung, số máy	Lần/phương tiện	50.000

Ghi chú:

1. Mức thu phí sát hạch lái xe được áp dụng thống nhất trên cả nước khi cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe (không phân biệt cơ quan thuộc Trung ương hay địa phương quản lý) tổ chức sát hạch cấp giấy phép lái xe.

2. Người dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe phần nào thì nộp phí sát hạch lái xe phần đó (tính theo lần sát hạch: sát hạch lần đầu, sát hạch lại).

3. Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi làm thủ tục về sát hạch lái xe, cấp bằng, chứng chỉ điều khiển các loại phương tiện giao thông đường bộ và đăng ký xe và biển số xe máy chuyên dùng.

Trường hợp người dự sát hạch đã được cơ quan tổ chức sát hạch thông báo thi và không tham dự kỳ sát hạch (bỏ thi) thì không được hoàn trả phí đã nộp.